TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2017/HNGĐ-ST
Ngày 06 – 9 – 2017

V/v Yêu cầu không công nhận là vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN Tp. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Lập Tiến

2. Bà Nguyễn Thị Tạc

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Y Kam Ê Nuôl - Cán bộ Toà án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk: Ông Đinh Văn Hải – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017 tại Phòng xử án B - Trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 639/2017/TLST-HNGĐ ngày 03/7/2017 về việc "Yêu cầu không công nhận là vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2017/QĐST - HNGĐ ngày 21/8/2017 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Hồng M – Sinh năm: 1982
Địa chỉ: Đường A, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn K – Sinh năm: 1975
Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố C, phường T, Tp. B, Đắk Lắk
Nơi ở hiện nay: Thôn D, xã H, huyện P, tỉnh Đắk Lắk

(Bà M, ông K đều có mặt tại phiên tòa)

NHẬN THẤY:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng M trình bày: Tôi và ông Nguyễn K tự nguyện chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 2000, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn và đến nay vẫn không đăng ký kết hôn. Từ năm 2005 đến nay vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do không phù hợp với nhau về quan điểm sống, chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2007 đến nay. Hiện nay mâu thuẫn giữa tôi và ông Nguyễn K là không thể hàn gắn nên chúng tôi đã bàn bạc và thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chúng tôi là vợ chồng.

Trong thời gian chung sống tôi và ông Nguyễn K có 02 con chung là Nguyễn Thành T – Sinh ngày: 26/02/2001 và Nguyễn Thành N – Sinh ngày: 25/7/2002. Về việc nuôi con tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các cháu. Trường hợp các cháu sống cùng tôi thì tôi không yêu cầu ông K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn K trình bày: Tôi thừa nhận lời khai của bà Nguyễn Thị Hồng M về quan hệ hôn nhân, thời điểm chung sống, về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, về con chung là đúng. Vì mâu thuẫn của chúng tôi không thể khắc phục được nên tôi đồng ý đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chúng tôi là vợ chồng.

- Về con chung: Các con tôi hiện nay đều có nguyện vọng là muốn được ở cùng mẹ nên tôi đồng ý giao cả hai con là Nguyễn Thành T – Sinh ngày: 26/02/2001 và Nguyễn Thành N – Sinh ngày: 25/7/2002 cho bà Nguyễn Thị Hồng M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Tôi không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết không công nhận bà và ông Nguyễn K là vợ chồng. Ông Nguyễn K cũng đồng ý với ý kiến của bà Nguyễn Thị Hồng M.

Về con chung: Ông Nguyễn K và bà Nguyễn Thị Hồng M đều thống nhất giao cả hai con là Nguyễn Thành T – Sinh ngày: 26/02/2001 và Nguyễn Thành N – Sinh ngày: 25/7/2002 cho bà Nguyễn Thị Hồng M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn K không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Cả ông Nguyễn K và bà Nguyễn Thị Hồng M đều không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột trình bày quan điểm đối với việc giải quyết vụ án như sau:

+ Về tố tụng: Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 16 Luật HNGĐ năm 2014. Không công nhận bà Nguyễn Thị Hồng M và ông Nguyễn K là vợ chồng. Giao cả hai cháu Nguyễn Thành T – Sinh ngày: 26/02/2001 và Nguyễn Thành N – Sinh ngày: 25/7/2002 cho bà Nguyễn Thị Hồng M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn K không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với vấn đề tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp*: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về việc "Yêu cầu không công nhận vợ chồng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 27; điểm a khoản 1 Điều 33 và điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

- *Về thủ tục tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên toà hôm nay Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và đã tiến hành hòa giải giữa các đương sự. Tuy nhiên, các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

- *Về nội dung quan hệ tranh chấp*: Bà Nguyễn Thị Hồng M và ông Nguyễn K chung sống như vợ chồng từ năm 2000, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn và đến nay bà M, ông K vẫn không đăng ký kết hôn. Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì bà Nguyễn Thị Hồng M và ông Nguyễn K không phải là vợ chồng.

- *Về con chung:* Giữa bà M và ông K có 02 con chung, trong quá trình giải quyết vụ án cả bà M và ông K đều yêu cầu tòa án giải quyết vấn đề con chung theo nguyện vọng của con. Do cả hai con chung của ông K, bà M đều có nguyện vọng là muốn được ở cùng mẹ và ông K cũng đồng ý nên giao cả hai cháu Nguyễn Thành T – Sinh ngày: 26/02/2001 và Nguyễn Thành N – Sinh ngày: 25/7/2002 cho bà Nguyễn Thị Hồng M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn K được quyền đi lại trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Hồng M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà M đã nộp theo biên lai số 0000724 ngày 27/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. B.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 27; điểm a khoản 1 Điều 33; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 128; Điều 131; Điều 171; Điều 179; Điều 195 BLTTDS.

- Áp dụng khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 16 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Không công nhận bà Nguyễn Thị Hồng M và ông Nguyễn K là vợ chồng.

- *Về con chung:* Giao cả hai con chung là Nguyễn Thành T – Sinh ngày: 26/02/2001 và Nguyễn Thành N – Sinh ngày: 25/7/2002 cho bà Nguyễn Thị Hồng M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn K được quyền đi lại trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không xem xét, giải quyết.

- *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị Hồng M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà

M đã nộp theo biên lai số 0000724 ngày 27/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. B.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Trang